TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Ông Phạm Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A; nơi cư trú: Thôn PX, xã LT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn B; ĐKHKTT: Thôn PX, xã LT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị Nguyễn Thị A xây dựng gia đình với Anh Hoàng Văn B trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/7/2004. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B sang Hàn Quốc để sinh sống và làm việc từ năm 2017, mấy năm nay không trở về Việt Nam nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tôi không biết địa chỉ cụ thể hiện nay ở Hàn Quốc của Anh B, chỉ biết Anh Hoàng Văn B vẫn thường xuyên liên lạc về cho mẹ đẻ của Anh B là bà Nguyễn Thị Đ. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, tinh thân của hai bên đều rất mệt mỏi, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên Chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh B để nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị A và Anh B có hai con chung là cháu Hoàng Thanh C, sinh ngày 13/8/2006 và cháu Hoàng Thanh D, sinh ngày 17/7/2013. Ly hôn, Chị A yêu cầu giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là Anh Hoàng Văn B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn E – là mẹ đẻ và anh trai của Anh Hoàng Văn B. Tòa án đã thông báo cho bà Nguyễn Thị Đ cung cấp địa chỉ cụ thể của Anh Hoàng Văn B ở Hàn Quốc và yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ cho biết kết quả về việc bà Đ đã thông báo cho Anh Hoàng Văn B để gửi lời khai đối với yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị A cho Tòa án. Bà Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn E – anh trai của Anh B trình bày Anh Hoàng Văn B vẫn liên lạc qua điện thoại với bà và gia đình nhưng không biết địa chỉ cụ thể Anh Hoàng Văn B ở đâu do Anh B không cung cấp cho gia đình. Bà Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn E đã thông báo cho Anh Hoàng Văn B về yêu cầu của Tòa án tuy nhiên Anh B không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án. Anh B trao đổi qua điện thoại với bà Đ như sau: Anh B không đồng ý ly hôn với Chị A. Chị A muốn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh B yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị Đ và anh Hoàng Văn E như sau: Đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng Anh B, Chị A được đoàn tụ. Trường hợp Chị A vẫn yêu cầu được ly hôn Anh B thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy

định pháp luật. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi Anh B sang Hàn Quốc khoảng 03-04 năm thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống. Do vợ chồng xa cách, Anh B chỉ hay gọi điện nhiều về cho Chị A, tuy nhiên Chị A không đồng ý việc làm của Anh B và cho rằng Anh B không tin tưởng và muốn kiểm soát Chị A. Gia đình đã hòa giải mâu thuẫn giữa Chị A và Anh B nhưng không đạt kết quả. Về con chung: Yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho Anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xác minh tại địa phương thể hiện: Anh B đi lao động tại Hàn Quốc từ năm 2017 đến nay chưa trở về địa phương với vợ con. Chị A và Anh B xảy ra mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2021-2022. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương nắm bắt được do Anh B gọi điện thoại cho Chị A quá nhiều, không tin tưởng Chị A về mặt tình cảm. Anh chị hiện nay mỗi người sống một nơi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Đối với yêu cầu khởi kiện của Chị A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với Anh Hoàng Văn B. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Hoàng Thanh C, sinh ngày 13/8/2006 và cháu Hoàng Thanh D, sinh ngày 17/7/2013 cho Chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn. Bị đơn là Anh Hoàng Văn B có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc, nguyên

đơn Chị Nguyễn Thị A hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị A có đề nghị xét xử vắng mặt. Anh B vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và nguyên đơn biết. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Anh B đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho anh thông qua bà Đ và anh E nhưng Anh Hoàng Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A kết hôn với Anh Hoàng Văn B trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/7/2004. Theo Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo Chị A trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ khi Anh B sang Hàn Quốc sinh sống và làm việc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay không còn yêu thương và quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xác minh tại địa phương và gia đình Anh B thể hiện sau khi Anh B sang Hàn Quốc sinh sống, vợ chồng Anh B Chị A bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, Chị A không đồng ý việc Anh B thường xuyên gọi điện kiểm soát Chị A, không tin tưởng Chị A về mặt tình cảm. Dù hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Về phía Anh Hoàng Văn B, qua lời trình bày của mẹ đẻ Anh B thì Anh B đã biết việc Chị A có đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án, tuy nhiên anh không có văn bản trình bày ý kiến về việc Chị A xin ly hôn với anh để gửi cho Tòa án. Anh B có quan điểm không đồng ý ly hôn với Chị A, Chị A muốn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Điều đó cho thấy Anh B không có thiện chí muốn vợ chồng cùng chung sống, không cung cấp địa chỉ, không co ý kiến gửi về Tòa án để hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, Chị A không còn tình cảm vợ chồng với Anh B, anh chị đã ly thân và sống mỗi người một nơi trong thời gian dài, đời sống hôn nhân không tồn tại nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị A đối với Anh Hoàng Văn B.

[4] Về con chung: Ly hôn, Chị A yêu cầu giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Qua lời trình bày của bà Nguyễn Thị Đ thì Anh B yêu cầu

giao con chung cho Anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hai con chung là cháu Hoàng Thanh C và cháu Hoàng Thanh D đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng Chị A, hai cháu đều có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở với Chị A trong trường hợp Chị A và Anh B ly hôn. Mặt khác, Anh B đang sinh sống tại nước ngoài, không đủ điều kiện để trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy việc Chị A yêu cầu giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện sinh hoạt và nguyện vọng của hai con chung, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị A. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc Chị A tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn Anh Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Hoàng Thanh C, sinh ngày 13/8/2006 và cháu Hoàng Thanh D, sinh ngày 17/7/2013 cho Chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Nguyễn Thị A về việc tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001519 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Trọng Tuấn - Phạm Mạnh Hùng	**Đặng Hồ Điệp**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Trọng Tuấn - Phạm Mạnh Hùng	**Đặng Hồ Điệp**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyến	**Đặng Hồ Điệp**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyến	**Đặng Hồ Điệp**